

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
Về định hướng xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi)

Thực hiện chương trình xây dựng Dự án Luật Công chứng (sửa đổi), Cục Bổ trợ tư pháp báo cáo và xin ý kiến Lãnh đạo Bộ về một số vấn đề liên quan đến định hướng và những nội dung cơ bản của Dự án Luật Công chứng (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là Dự án Luật), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT CÔNG CHỨNG (SỬA ĐỔI)

Ngày 20 tháng 6 năm 2014, kỳ họp thứ ..., Quốc hội khoá XIII đã thông qua Luật Công chứng (sửa đổi). Sau 6 năm thi hành, những kết quả đạt được đã khẳng định tính đúng đắn của việc tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng, tạo điều kiện cho việc phát triển tổ chức và hoạt động công chứng của Việt Nam theo hướng chuyên nghiệp và từng bước trở thành một trong những dịch vụ công có vai trò bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, giảm bớt các tranh chấp góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, giúp công chứng Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Liên minh công chứng thế giới và hoàn thành vai trò của thành viên Liên minh.

Với việc triển khai thi hành Luật Công chứng 2014, đội ngũ công chứng viên (CCV) và tổ chức hành nghề công chứng (TCHNCC) ở nước ta đã và đang phát triển nhanh về số lượng. Hiện nay, tổng số CCV được bổ nhiệm trong cả nước là ... người, trong đó có ... CCV đang hành nghề tại các Phòng công chứng (PCC) và 744 CCV đang hành nghề tại các Văn phòng công chứng (VPCC). Số TCHNCC được thành lập là..., trong đó có ... PCC và ... VPCC¹. Như vậy, so với thời điểm đầu năm 2015 khi Luật Công chứng 2014 bắt đầu có hiệu lực thi hành, đội ngũ CCV đã tăng ... lần, số lượng TCHNCC tăng ... lần.

Không chỉ tăng lên về số lượng, chất lượng đội ngũ CCV cũng có những tiến bộ đáng kể, quy mô và tính chuyên nghiệp của các TCHNCC cũng được nâng cao. 100% công chứng viên có trình độ cử nhân luật hoặc thạc sỹ, tiến sỹ luật. Về cơ bản các CCV có trình độ chuyên môn tốt, có ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề và có tâm với nghề, tận tâm trong hoạt động nghề nghiệp. Hoạt động công chứng trên thực tế đã góp phần

¹ Các PCC và VPCC được thành lập ở 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

quan trọng trong việc bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch dân sự, thương mại, ngăn ngừa rủi ro, giảm thiểu các tranh chấp pháp lý. Sau 5 năm thi hành Luật Công chứng 2014, các TCHNCC trên cả nước đã công chứng được hơn ... triệu việc, tổng số phí công chứng thu được là ... tỷ đồng, tổng số thù lao công chứng thu được là ... tỉ đồng, tổng số tiền nộp thuế và nộp ngân sách nhà nước là ... tỉ đồng.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thực hiện Luật công chứng năm 2014 cho thấy hoạt động công chứng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được khắc phục

Thứ nhất, đội ngũ CCV tuy tăng nhanh về số lượng nhưng chất lượng chưa đồng đều, một bộ phận CCV còn yếu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ công chứng, ý thức tuân thủ, chấp hành Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng còn nhiều hạn chế.

Thứ hai, TCHNCC phát triển, phân bố chưa phù hợp với định hướng và yêu cầu của xã hội. Các VPCC mới chỉ tập trung tại những tỉnh, thành phố có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển. **Nhiều VPCC dù hoạt động theo loại hình công ty hợp danh nhưng trên thực tế chỉ có 01 CCV hành nghề**, tổ chức còn thiếu tính ổn định, bền vững.

Thứ ba, chất lượng hoạt động hành nghề công chứng còn có những sai sót, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu Hoạt động của một bộ phận công chứng viên và TCHNCC chưa thực sự chuyên nghiệp, chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục công chứng, có nơi có lúc đã xảy ra hiện tượng chạy theo lợi nhuận hoặc "cạnh tranh không lành mạnh" giữa một số TCHNCC.

Thứ tư, công tác quản lý nhà nước còn có những sơ hở, lỏng lẻo, hiệu quả quản lý nhà nước còn hạn chế. Công tác kiểm tra, thanh tra về tình hình tổ chức, hoạt động công chứng của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương còn chưa chặt chẽ, thường xuyên.

Thứ năm, công tác quản lý hành nghề công chứng hiện nay chủ yếu vẫn do các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện mà chưa phát huy đầy đủ tính tự quản trong hoạt động hành nghề công chứng, tổ chức xã hội nghề nghiệp công chứng viên mới chỉ được thành lập ở một số ít tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Một trong những nguyên nhân quan trọng của những hạn chế, bất cập nêu trên là do quy định pháp luật về công chứng chưa hoàn thiện. Cụ thể là các quy định của Luật Công chứng hiện hành về tổ chức, hoạt động và quản lý Nhà nước về công chứng còn nhiều bất cập: Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên còn dễ dãi, yêu cầu nâng cao kiến thức chuyên môn chưa trở thành bắt buộc đối với công chứng viên đang hành nghề; quy định về mô hình tổ chức hành nghề công chứng chưa chặt chẽ, các quy định về trình tự, thủ tục công chứng còn chưa đầy

đủ, quy định về quản lý Nhà nước còn một số điểm sơ hở, chưa làm rõ được cơ chế trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, các Bộ, ngành trong quản lý hoạt động công chứng, việc thành lập tổ chức xã hội nghề nghiệp công chứng viên để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công chứng viên, giám sát thực hiện quy tắc đạo đức hành nghề công chứng chưa được luật hóa, nên chưa phát huy đầy đủ vai trò tự quản của công chứng viên. Mặt khác, nhiều quy định liên quan đến công chứng trong Luật Đất đai, Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành, còn chồng chéo, gây khó khăn cho hoạt động công chứng.

Trước yêu cầu thực tiễn của hoạt động công chứng, việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Công chứng 2014 nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên, tạo điều kiện để tiếp tục phát triển hoạt động công chứng theo hướng xã hội hóa và chuyên nghiệp hóa là rất cần thiết.

A. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG LỚN

1. Kế thừa các định hướng, chủ trương và quy định còn phù hợp về công chứng, chứng thực hiện hành, kết hợp với định hướng phát triển trong thời kỳ mới nhằm xây dựng dự án Luật điều chỉnh cả hoạt động công chứng và chứng thực; xác định đúng vai trò, khái niệm, bản chất và phạm vi hoạt động công chứng - chứng thực để xác lập thể chế pháp lý đồng bộ, hiệu quả cho cả hai hoạt động này, thiết lập mối quan hệ tương tác, hỗ trợ lẫn nhau thay vì tách rời và không có sự phối hợp như trong thời gian qua.

2. Xác định đầy đủ, toàn diện và chính xác hơn về vị trí, vai trò, trách nhiệm và mối quan hệ của CCV và TCHNCC trong hoạt động công chứng để phát triển nghề công chứng bền vững với đội ngũ CCV bảo đảm trình độ chuyên môn, đạo đức, kinh nghiệm, trách nhiệm nghề nghiệp cùng với các TCHNCC phù hợp về số lượng, năng lực và phân bổ để hỗ trợ tốt nhất cho CCV trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Quy định chặt chẽ nhưng không cứng nhắc đối với thủ tục công chứng, chứng thực; tạo lập nền tảng pháp lý cần thiết về quy trình công chứng, chứng thực để triển khai việc chuyển đổi số trong hoạt động công chứng, chứng thực phù hợp với xu thế và yêu cầu của thời kỳ mới.

4. Xác định đúng đối tượng trọng tâm của công tác quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực và có các giải pháp, công cụ quản lý phù hợp, hiệu quả nhằm bảo đảm phát triển hoạt động công chứng, chứng thực đúng định hướng, có sự kiểm soát và điều tiết hợp lý. Làm rõ hơn nội hàm và mối quan hệ giữa quản lý nhà nước với tự quản; bảo đảm sự thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với hoạt động công chứng; phát huy trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV phù hợp với quy định của pháp

luật và yêu cầu của quản lý nhà nước về công chứng và hành nghề công chứng.

5. Bảo đảm sự phù hợp với các chủ trương, định hướng lớn của Đảng, Chính phủ trong việc cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, như Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025, Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng...

B. DỰ KIẾN MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỚN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng thực hiện của dự án Luật

- Xây dựng Dự án Luật điều chỉnh cả hoạt động công chứng và chứng thực để xác lập thể chế pháp lý đồng bộ, hiệu quả cho cả hai hoạt động này, thiết lập mối quan hệ tương tác, hỗ trợ lẫn nhau thay vì tách rời và không có sự phối hợp như trong thời gian qua

Việc xây dựng một Luật điều chỉnh cả hoạt động công chứng, chứng thực không đơn giản là việc ghép cơ học các quy định về công chứng, chứng thực trong Luật Công chứng 2014 và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch với nhau, mà phải xác định đúng bản chất, vai trò, chức năng của mỗi hoạt động để có cơ chế điều chỉnh phù hợp về nhiệm vụ, quyền hạn, yêu cầu điều kiện, trình tự thủ tục, chế độ trách nhiệm...

Cụ thể, Luật này quy định về phạm vi công chứng, chứng thực; CCV, hành nghề công chứng, TCHNCC, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV; người thực hiện chứng thực; thủ tục công chứng, chứng thực và quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực.

- Mở rộng đối tượng áp dụng của Dự án Luật tương ứng với phạm vi điều chỉnh đã được mở rộng

Tương ứng với phạm vi điều chỉnh gồm cả lĩnh vực chứng thực, đối tượng áp dụng của Luật không chỉ bao gồm CCV, TCHNCC, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV, cơ quan quản lý nhà nước về công chứng mà còn có người thực hiện chứng thực, cơ quan quản lý nhà nước về chứng thực và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Khái niệm, vai trò và phạm vi của hoạt động công chứng, chứng thực

- Xác định đúng khái niệm, vai trò, phạm vi của hoạt động công chứng để làm nền tảng cho các quy định có liên quan

Về khái niệm, công chứng được xác định là việc CCV và người được giao thực hiện nhiệm vụ công chứng theo quy định của Luật này chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng. Như vậy, phạm vi công chứng sẽ không bao gồm việc chứng nhận tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản như Luật Công chứng hiện nay, mà CCV sẽ thực hiện nhiệm vụ chứng thực bản dịch, bản sao và chữ ký cá nhân theo quy trình, thủ tục chứng thực². Đồng thời, bên cạnh chủ thể chính của hoạt động công chứng là CCV thì cũng còn một số đối tượng khác được giao nhiệm vụ này, bao gồm cán bộ tư pháp cấp xã, viên chức được giao nhiệm vụ của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài³.

Nếu công chứng là việc chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch thì chứng thực là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này chứng nhận bản sao đúng với bản chính, chứng nhận chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực.

Về vai trò, công chứng là dịch vụ công với ý nghĩa cả là dịch vụ công cộng chứ không chỉ là yếu tố công quyền để giúp CCV hiểu đúng vị trí, vai trò của mình. CCV là người cung cấp dịch vụ công theo nhu cầu của xã hội. Khi người dân có nhu cầu tạo lập và lưu giữ chứng cứ thì CCV với tư cách là người được Nhà nước thừa nhận đủ điều kiện (về trình độ chuyên môn, tư cách đạo đức, sức khỏe...) và được Nhà nước bổ nhiệm, giao quyền đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện để cung cấp dịch vụ này. Do vậy, chức năng của CCV là chức năng tự thân xuất phát từ bản chất của hoạt động công chứng, chứ không phải chức năng xã hội với ý nghĩa quá cao siêu, không phản ánh đúng bản chất của hoạt động này.

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình công chứng nội dung để có định hướng thống nhất cho các chế định về CCV, TCHNCC, thủ tục công chứng...

Quan điểm nhất quán xây dựng dự án Luật là hoàn thiện cơ sở pháp lý và điều kiện thực tiễn để bảo đảm mô hình công chứng nội dung mà nước ta đã và đang áp dụng, theo đó CCV không chỉ xác thực về chủ thể, thời gian, địa điểm mà còn phải bảo đảm nội dung, đối tượng của hợp đồng, giao dịch hợp pháp, phù hợp với ý chí thỏa thuận của các bên và quy định của Nhà nước.

Thực tế trong những năm vừa qua tuy vẫn quán triệt nguyên tắc công chứng nội dung, tuy nhiên trên thực tế thì công chứng của nước ta chưa thực sự là

² Có ý kiến cho rằng vẫn giữ chứng thực hợp đồng, giao dịch như hiện nay (do UBND cấp xã thực hiện), tuy nhiên, cần được luật hóa đưa vào Luật Công chứng và quy định theo hướng chứng thực về nội dung, chịu trách nhiệm về nội dung văn bản chứng thực (như quy định trước đây của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP), có như vậy mới tạo lập được mặt bằng chung cho việc chứng nhận hợp đồng, giao dịch (thông qua công chứng hoặc chứng thực) cũng như nâng cao chất lượng chứng thực hợp đồng, giao dịch.

³ Chủ thể thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch cần tiếp tục được nghiên cứu, đánh giá.

công chứng nội dung, do CCV chỉ xác nhận trên cơ sở giấy tờ do người yêu cầu công chứng cung cấp, việc kiểm tra, xác minh, giám định còn rất hạn chế. Tình trạng này chủ yếu do nền tảng hạ tầng về thông tin công chứng và các thông tin khác còn quá nghèo nàn, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan có liên quan chưa cao, quy định về thời hạn công chứng còn có điểm chưa phù hợp... Do vậy, để thực hiện được nguyên tắc công chứng nội dung thì không chỉ bằng việc khẳng định mang tính tuyên ngôn mà Luật cần tăng cường các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của CCV, trình tự, thủ tục công chứng, nghĩa vụ của TCHNCC, mối quan hệ giữa TCHNCC và CCV..., đặc biệt là nhấn mạnh trách nhiệm xác minh, thẩm tra của CCV thay vì chỉ dựa vào hồ sơ giấy tờ để chứng nhận.

- *Về chứng thực*: Hút quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP vào, tuy nhiên, cần sửa đổi một số nội dung liên quan đến chứng thực hợp đồng, giao dịch như: trình tự, thủ tục; giá trị pháp lý; chế độ trách nhiệm... bảo đảm tương thích với quy định về công chứng hợp đồng, giao dịch.

3. Giá trị pháp lý của văn bản công chứng

Dự án Luật cơ bản kế thừa quy định của Luật Công chứng 2014 về giá trị pháp lý của văn bản công chứng, đồng thời bám sát nguyên tắc chung của Liên minh công chứng thế giới về giá trị chứng cứ cũng như hiệu lực thi hành, xác lập các quyền và nghĩa vụ **như tại quốc gia gốc nơi văn bản công chứng đó đã được ban hành.**

Việc quy định văn bản công chứng bắt buộc phải có đóng dấu của TCHNCC mới có hiệu lực không chỉ đi không đúng với nguyên tắc CCV mới là người quyết định giá trị của văn bản công chứng mà còn góp phần tạo ra tình trạng chạy đua, đầu tư thành lập VPCC rồi sử dụng CCV như những người lao động làm việc theo hợp đồng **và bị chi phối bởi “chủ đầu tư” đứng sau thành lập VPCC - là chủ thật sự của VPCC.** Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng đã hạn chế vai trò của con dấu, không quy định bắt buộc sử dụng con dấu trong mọi giao dịch của doanh nghiệp. Mặt khác, với xu hướng tiến tới thực hiện giao dịch điện tử, chữ ký số được áp dụng phổ biến thì con dấu của VPCC cũng sẽ không còn phù hợp để tồn tại. Do vậy, quy định về giá trị pháp lý của văn bản công chứng (Điều 5) sẽ được điều chỉnh như sau: Bỏ quy định về việc có con dấu của TCHNCC thì văn bản công chứng mới có hiệu lực, thay vào đó là hai điều kiện sau: (1) CCV ký tên (ký chữ ký trực tiếp hoặc chữ ký số); (2) Văn bản đó được gửi lên Trung tâm dữ liệu công chứng do Bộ Tư pháp quản lý và được Trung tâm cấp cho một mã code (trong thời gian chờ xây dựng được Trung tâm này thì vẫn giữ như quy định hiện nay, nghĩa là văn bản công chứng vẫn có hiệu lực từ thời điểm CCV ký tên và đóng dấu TCHNCC).

4. Về tiếng nói, chữ viết trong hoạt động công chứng

Về nguyên tắc, tiếng nói và chữ viết trong hoạt động công chứng vẫn là tiếng Việt, tuy nhiên Luật sẽ quy định một số trường hợp đặc thù để phù hợp với yêu cầu thực tế của hợp đồng, giao dịch.

II. CCV, thư ký nghiệp vụ công chứng, hành nghề công chứng

1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm khẳng định rõ nét hơn vai trò quyết định, vị trí trung tâm của CCV đối với hoạt động công chứng

Với định hướng thống nhất về việc không phải TCHNCC mà CCV mới là nhân tố quyết định kết quả của hoạt động công chứng; CCV là người chịu trách nhiệm và bảo đảm giá trị của văn bản công chứng bằng trình độ, uy tín, đạo đức nghề nghiệp của mình chứ không phải bằng con dấu của TCHNCC đóng trên văn bản công chứng, vấn đề cần chú ý nhất đối với đội ngũ CCV Việt Nam trong thời gian tới là tiếp tục nâng cao chất lượng. Do vậy, một số quy định về CCV sẽ được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm CCV: Sửa đổi theo hướng giảm thời gian công tác pháp luật xuống còn 03 năm và giao cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định rõ những vị trí pháp lý được công nhận là thời gian công tác pháp luật để bổ nhiệm CCV, tránh cách hiểu không thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện quy định này; không quy định về điều kiện sức khỏe để bổ nhiệm mà đưa về trường hợp không bổ nhiệm nếu không bảo đảm điều kiện sức khỏe). Việc sửa đổi này để phù hợp với Nghị quyết số 68/NQ-CP, trong đó có yêu cầu phải cắt giảm các quy định về yêu cầu, điều kiện hành nghề công chứng.

- Thay quy định về kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng bằng kỳ sát hạch bổ nhiệm CCV để đánh giá chất lượng đầu vào của CCV toàn diện, đầy đủ hơn so với kỳ kiểm tra kết quả tập sự. Đối với các CCV cam kết hành nghề ở các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn trong thời hạn ít nhất là 05 năm thì điểm đạt sẽ thấp hơn, tuy nhiên nếu vi phạm cam kết về địa điểm và thời gian hành nghề vì bất kỳ lý do gì thì sẽ bị miễn nhiệm CCV). Quy định này không chỉ giúp tăng cường lực lượng CCV đang khó khăn cho các địa bàn có điều kiện kém phát triển hơn. Mặt khác, giao dịch tại các địa bàn này cũng thường có giá trị thấp, tính chất đơn giản hơn nên sẽ tạo cơ hội cho các CCV mới vào nghề tích lũy kinh nghiệm hành nghề, bổ sung kiến thức cho các giai đoạn nghề nghiệp tiếp theo.

- Bỏ quy định về miễn đào tạo nghề công chứng, thay bằng quy định giảm ½ thời gian đào tạo nghề cho một số đối tượng. Các đối tượng được giảm thời gian đào tạo nghề cũng phải có hoạt động gắn liền chuyên môn pháp luật dân sự.

- Bổ sung một số quy định có tính nguyên tắc về tập sự hành nghề công chứng để nâng cao chất lượng tập sự:

+ Thời gian tập sự hành nghề công chứng theo thời gian làm việc của TCHNCC.

+ Thời gian tập sự không được công nhận là thời gian công tác pháp luật (vì đây là thời gian học việc chứ không phải là áp dụng pháp luật vào giải quyết công việc cụ thể).

+ Làm rõ việc phân định trách nhiệm của người tập sự, của CCV, TCHNCC, Sở Tư pháp đối với việc tập sự.

+ Tiếp tục giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể về tập sự hành nghề công chứng.

- Quy định chặt chẽ hơn đối với việc bổ nhiệm CCV để nâng cao chất lượng đầu vào của đội ngũ CCV⁴.

+ Quy định độ tuổi tối đa được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CCV là 65 tuổi; tuổi hành nghề tối đa là 70 để phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với mặt bằng sức khỏe lao động của người Việt Nam.

+ CCV được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 05 năm và được tự động gia hạn nếu không thuộc các trường hợp không còn đủ điều kiện làm CCV (được quy định cụ thể trong Luật).

+ Bổ sung một số trường hợp không được bổ nhiệm (người đang là cán bộ, công chức, **viên chức (trừ viên chức của Phòng công chứng)**, sỹ quan quân đội..., người đang là luật sư, đấu giá viên, thừa phát lại; người không đủ điều kiện sức khỏe hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi...).

- Bổ sung một số trường hợp tạm đình chỉ hành nghề công chứng đối với CCV bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức tước quyền sử dụng Thẻ CCV có thời hạn, CCV bị tạm đình chỉ tư cách hội viên Hội CCV... và quy định rõ trách nhiệm của CCV trong thời gian bị tạm đình chỉ hành nghề, đặc biệt là đối với các hồ sơ công chứng mà CCV đã và đang thực hiện...

- Quy định chặt chẽ hơn về việc bổ nhiệm CCV để kịp thời loại ra khỏi đội ngũ này những đối tượng không còn đủ điều kiện:

+ Bổ sung một số trường hợp miễn nhiệm, như người không bảo đảm sức khỏe hoặc có khó khăn về nhận thức và làm chủ hành vi; người bị khai trừ khỏi Hội CCV; người thành lập doanh nghiệp hoặc tham gia quản lý doanh nghiệp ngoài TCHNCC; thực hiện hoạt động môi giới, đại lý; tham gia chia lợi nhuận trong hợp đồng, giao dịch mà mình nhận công chứng....

⁴ Điều kiện với đội ngũ viên chức lãnh sự **được giao thực hiện** công chứng cũng phải được nâng cao để phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn

+ Quy định rõ CCV bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề công chứng nhiều hơn 02 lần trong **vòng 12 tháng** để tránh tranh cãi về quy định hiện hành “đã bị xử phạt vi phạm hành chính đến lần thứ hai mà còn tiếp tục vi phạm”.

2. Thư ký nghiệp vụ CCV

Mặc dù Luật Công chứng quy định gần như toàn bộ các bước trong quy trình công chứng đều do CCV thực hiện, tuy nhiên thực tế các CCV khi hành nghề thường có các nhân viên giúp việc. Các nhân viên này thường giúp CCV tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, kiểm tra thành phần hồ sơ, nghiên cứu hồ sơ công chứng, dự thảo văn bản công chứng, đi lấy chữ ký (với trường hợp công chứng ngoài trụ sở). Thậm chí có không ít trường hợp nhân viên giúp việc làm gần như đầy đủ các bước giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng và CCV chỉ đặt bút ký vào hồ sơ.

Do vậy, Luật Công chứng nên có quy định về chức danh thư ký nghiệp vụ công chứng để làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh này trong quy trình công chứng. Một số nội dung quy định như sau:

- CCV có thể có thư ký nghiệp vụ công chứng. TCHNCC ký hợp đồng lao động với thư ký nghiệp vụ công chứng có ghi rõ vị trí làm việc. Khi làm việc có đeo Thẻ ghi rõ chức danh (để phân biệt với CCV).

- Thời gian làm thư ký nghiệp vụ công chứng được công nhận là thời gian công tác pháp luật.

- Tiêu chuẩn, điều kiện: Có bằng cử nhân Luật trở lên, đã tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng.

- Nhiệm vụ, quyền hạn: Giúp CCV tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ yêu cầu công chứng, tham mưu cho CCV phương án giải quyết hồ sơ, sắp xếp hồ sơ để đưa vào lưu trữ.

- Trách nhiệm:

- + Thư ký nghiệp vụ công chứng làm việc theo phân công của CCV, chịu trách nhiệm trước CCV về công việc của mình.

- + CCV chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc của thư ký nghiệp vụ công chứng và toàn bộ việc công chứng liên quan đến hồ sơ yêu cầu công chứng đó.

3. Hành nghề công chứng

- *Làm rõ một số thuật ngữ quan trọng liên quan đến nội dung này*

Trong Luật Công chứng hiện nay cụm từ “hành nghề công chứng” được nhắc đến rất nhiều lần và có ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều quy định khác của Luật, nhất là quy định về miễn nhiệm CCV, hoạt động của TCHNCC, tuy nhiên cả Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành đều chưa quy định thế nào là hành nghề công chứng. Do vậy, trong lần sửa đổi này dự án Luật sẽ làm rõ khái niệm “hành nghề công chứng” theo hướng là việc CCV chứng nhận hợp đồng, giao dịch với số lượng tối thiểu là... việc/tháng; nếu chỉ thực hiện các nhiệm vụ khác như chứng thực bản dịch, bản sao hoặc chữ ký cá nhân mà không chứng nhận hợp đồng, giao dịch thì không coi là hành nghề công chứng. Một người chỉ được công nhận thời gian hành nghề công chứng nếu có đăng ký hành nghề và có ký văn bản công chứng trên thực tế.

Cùng với việc giải thích thuật ngữ “hành nghề công chứng”, Luật cũng làm rõ một số thuật ngữ có liên quan như “hành nghề công chứng liên tục” (trong 12 tháng phải ký ít nhất bao nhiêu văn bản công chứng); “không hành nghề công chứng liên tục từ 12 tháng trở lên” (bắt đầu tính từ thời điểm CCV xóa đăng ký hành nghề hoặc từ thời điểm cuối cùng ký văn bản công chứng); “đồng thời hành nghề tại hai tổ chức” (đồng thời đăng ký hành nghề tại hai tổ chức hoặc cùng lúc đăng ký hành nghề tại tổ chức này nhưng thực tế lại ký văn bản công chứng tại tổ chức khác hoặc đồng thời ký văn bản công chứng tại hai tổ chức); “kiêm nhiệm công việc thường xuyên khác” (hành nghề công chứng nhưng lại cùng lúc làm việc theo hợp đồng lao động với...); “tham gia quản lý doanh nghiệp khác ngoài TCHNCC” (...).

- Bổ sung một số hình thức hành nghề và quy định rõ điều kiện hành nghề của CCV

Để tạo thêm cơ hội cho CCV lựa chọn hình thức hành nghề phù hợp, Luật bổ sung hình thức CCV làm việc theo hợp đồng tại các PCC (và nghiên cứu khả năng cho phép CCV hành nghề với tư cách cá nhân).

Nhằm nâng cao thái độ trách nhiệm của CCV đối với nghề nghiệp, dự án Luật quy định rõ điều kiện để một CCV có thể thực sự hành nghề (bắt đầu tiếp nhận và giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng) là phải được đăng ký hành nghề, được cấp Thẻ CCV và chứng minh đã mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp bắt buộc theo đúng quy định.

- Quy định chặt chẽ, cụ thể hơn về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của CCV để thể hiện đúng yêu cầu, tính chất của bảo hiểm bắt buộc

+ Bên cạnh khoản tiền bảo hiểm cố định theo từng năm như hiện nay sẽ có khoản tiền mua bảo hiểm căn cứ theo tỷ lệ giá trị hợp đồng, giao dịch mà CCV thực hiện công chứng (từ 3-5% giá trị hợp đồng, giao dịch). Với cách mua bảo

hiểm này, khoản tiền bảo hiểm cố định sẽ dùng chi trả cho các thiệt hại phát sinh do chứng thực bản dịch, chứng thực chữ ký, bản sao; còn khoản tiền bảo hiểm cho từng hợp đồng, giao dịch thì sẽ chi trả cho chính hợp đồng, giao dịch đó và sẽ chi trả khi thiệt hại phát sinh (kể cả khi CCV không còn hành nghề ở tổ chức hoặc không còn hành nghề công chứng nữa) chứ không phải chi trả trong năm mua bảo hiểm như hiện nay.

+ Quy định rõ hơn về quỹ bồi thường công chứng của Hiệp hội CCV Việt Nam, đồng thời cho phép áp dụng hình thức ký quỹ hoặc bảo lãnh.

+ Cơ chế mua, chi trả bảo hiểm thì Bộ Tư pháp cần làm việc với cơ quan quản lý nhà nước bảo hiểm để xác định cách thức mua, nghĩa vụ chi trả bảo hiểm.

- *Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại rõ ràng hơn để ngoài việc bù đắp về thiệt hại còn có tác dụng răn đe, nâng cao trách nhiệm của CCV đối với việc hành nghề*

+ Quy định rõ trách nhiệm bồi thường trong một số trường hợp như CCV đã chuyển sang TCHNCC khác; trường hợp TCHNCC mà CCV hành nghề và gây thiệt hại không còn nữa (chuyển đổi/chuyển nhượng/chấm dứt hoạt động/giải thể); trường hợp CCV gây thiệt hại đã chết.

+ Quy định trách nhiệm bồi hoàn không cứng là theo lương như CCV của PCC mà phải sử dụng đến tài sản của CCV để nâng cao trách nhiệm của CCV

+ Quy định việc cho phép TCHNCC lựa chọn hình thức ký quỹ bảo đảm việc hành nghề của của mình + sử dụng quỹ bồi thường của tổ chức XH-NN lập nên từ nguồn đóng góp của CCV.

III. TCHNCC

1. Quy định chung về TCHNCC

Kế thừa quy định của Luật Công chứng năm 2014, TCHNCC vẫn bao gồm hai loại hình là PCC và VPCC. Tuy nhiên, điểm mới là điều chỉnh lại địa vị pháp lý của TCHNCC cho phù hợp với thông lệ quốc tế tại nhiều nước thuộc Liên minh công chứng thế giới như Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, Hoa Kỳ ... Theo đó, chức năng chính của TCHNCC là bộ máy giúp việc do CCV lập ra để giúp việc cho CCV, hỗ trợ CCV các công việc hành chính, cung cấp cơ sở vật chất, hạch toán về thuế, phí và là đầu mối giúp CCV thực hiện nghĩa vụ với nhà nước chứ không phải là cơ quan quản lý CCV. Bên cạnh đó, thống nhất với định hướng chung về việc phát triển hoạt động công chứng phù hợp với yêu cầu của xã hội, tránh tình trạng mất kiểm soát, việc thành lập TCHNCC phải theo các nguyên tắc, trình tự chặt chẽ và tương ứng với sự phát triển của đội ngũ CCV, tránh tình trạng TCHNCC tìm CCV hoặc ngược lại.

Với cách tiếp cận nêu trên, một số quy định chung liên quan đến TCHNCC sẽ được sửa đổi, bổ sung theo hướng sau:

- Việc thành lập TCHNCC được kiểm soát. Tuy nhiên, cách thức kiểm soát không phải bằng việc đặt ra một con số quy hoạch hay giới hạn số lượng TCHNCC cụ thể, mà chủ yếu là điều chỉnh gián tiếp thông qua việc tác động đến đội ngũ CCV, quản lý hoạt động hành nghề công chứng. Đối với TCHNCC, Luật sẽ quy định chặt chẽ, cụ thể hơn về điều kiện thành lập và duy trì hoạt động từng loại hình tổ chức, tăng cường trách nhiệm của CCV đối với TCHNCC mà họ đã thành lập hoặc là thành viên hợp danh.

- Bỏ quy định về việc TCHNCC đóng dấu vào văn bản công chứng như là điều kiện có hiệu lực của văn bản công chứng. Thay vào đó, con dấu của TCHNCC chủ yếu dùng trong các văn bản hành chính của tổ chức.

- Về quyền và nghĩa vụ của TCHNCC:

- + Bỏ quy định nghĩa vụ quản lý CCV, vì CCV sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp trước Nhà nước và người yêu cầu công chứng chứ không qua TCHNCC. Thay vào đó, quy định rõ trách nhiệm của TCHNCC trong việc cung cấp các điều kiện vật chất, thông tin; hỗ trợ CCV về công tác hành chính, thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước...

- + Bổ sung quyền cung cấp dịch vụ đóng thuế và đăng ký sang tên đối với những tài sản đã được công chứng hợp đồng, giao dịch tại tổ chức đó (phù hợp với Nghị quyết số 172/NQ-CP); làm trung gian thanh toán, thanh toán không dùng tiền mặt đối với 1 số loại hợp đồng, giao dịch nhất định (đặc biệt là chuyên nhượng, mua bán bất động sản, ô tô) để ngăn chặn trốn thuế, kiểm soát tài sản...

2. Đối với PCC

- Tiếp tục duy trì loại hình PCC theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập đặc thù thuộc Sở Tư pháp.

- PCC được ký hợp đồng lao động với CCV; người làm việc tại PCC mà đủ điều kiện thì được đề nghị bổ nhiệm CCV không cần đợi chỉ tiêu biên chế, vị trí việc làm.

- Đối với các PCC tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thì sẽ được quyền tự chủ, tự quyết hơn so với đơn vị sự nghiệp công lập khác:

- + Tự quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý.

- + Tự chủ về tài chính, cụ thể là được...

+ Tự chủ về nhân sự: Tự quyết định ký hợp đồng lao động, làm việc (quy định về đơn vị sự nghiệp tự chủ hiện nay đã cho phép nhưng thực tế thì Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố vẫn trình UBND tỉnh phê duyệt vị trí việc làm (tức là can thiệp quá sâu) và trên cơ sở đó Kho bạc nhà nước chỉ trả lương cho những vị trí việc làm đã được phê duyệt).

- Quy định cụ thể hơn những vấn đề nguyên tắc, quan trọng nhất của việc chuyển đổi PCC để Chính phủ có cơ sở quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành: Các trường hợp chuyển đổi, hình thức chuyển đổi (giao cho chính CCV của PCC đó, nếu các CCV không nhận thì mới cho đấu giá), nguyên tắc định giá...

3. Đối với VPCC

- Mở rộng loại hình tổ chức hoạt động của VPCC

Tiếp tục giữ loại hình VPCC theo mô hình công ty hợp danh không có thành viên góp vốn như Luật Công chứng năm 2014, đồng thời cho phép VPCC hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân⁵ tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Việc cho phép tổ chức VPCC theo loại hình doanh nghiệp tư nhân ở một số địa bàn nhất định giúp CCV giảm chi phí về cơ sở vật chất và bộ máy nhân sự để bảo đảm về thu nhập của CCV, đồng thời tránh tình trạng cung nhiều hơn cầu, do các địa bàn này có lượng việc công chứng ít, giá trị việc công chứng thường thấp.

- Quy định linh hoạt hơn về tên gọi của VPCC

Điều chỉnh quy định về tên gọi của VPCC theo hướng không bắt buộc phải đặt theo họ tên của CCV mà CCV hợp danh được thỏa thuận lựa chọn tên gọi của VPCC, bảo đảm không trùng, không gây nhầm lẫn với TCHNCC khác, không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

- Thành lập và hoạt động của VPCC

+ Để bảo đảm tính khả thi của việc thành lập và đưa VPCC vào hoạt động, một số quy định về thành lập VPCC sẽ được sửa đổi theo hướng chặt chẽ hơn về trình tự, thủ tục thành lập, như hồ sơ đề nghị thành lập VPCC phải có Điều lệ VPCC, phải có các tài liệu chứng minh bảo đảm các điều kiện thành lập VPCC được nêu trong Đề án; Sở Tư pháp là cơ quan giúp UBND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ thẩm tra và trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định. Bên cạnh đó, Luật bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm nhằm tránh tình trạng đầu cơ thành lập VPCC rồi chuyển nhượng lại như thời gian vừa qua, như đang hành nghề tại một tổ chức hành nghề mà tham gia thành lập một VPCC khác; tham gia thành lập VPCC khi chưa đủ 05 năm kể từ ngày chấm dứt hợp danh tại VPCC trước;

⁵ Xem xét bổ sung mô hình CCV hành nghề độc lập

góp vốn hoặc đầu tư vốn thành lập VPCC.... Đồng thời, dự án Luật cũng bổ sung quy định cụ thể để xử lý đối với trường hợp hồ sơ được phê duyệt xong mới phát hiện một hoặc một số nội dung của Đề án không đúng hoặc không còn đúng như khi được phê duyệt (về CCV, về cơ sở vật chất...).

+ Với mục tiêu nâng cao sự ổn định về mặt tổ chức và hoạt động của VPCC, dự án Luật sẽ quy định cụ thể hơn về giấy tờ chứng minh VPCC đủ điều kiện đăng ký hoạt động; thu hút các quy định của Luật Doanh nghiệp về chấm dứt tư cách thành viên hợp danh, bổ sung thành viên hợp danh và chuyển nhượng VPCC. Đồng thời, Luật sẽ quy định rõ những điều kiện ràng buộc nhằm hạn chế tình trạng CCV thay đổi VPCC tùy tiện như trong thời gian qua, như quy định CCV chấm dứt tư cách thành viên hợp danh thì ít nhất 02 năm sau mới được hợp danh lại vào chính VPCC đó hoặc một VPCC khác; ít nhất 05 năm sau mới được tham gia thành lập VPCC khác; CCV đã chuyển nhượng VPCC thì không được tham gia thành lập/nhận chuyển nhượng VPCC khác trong 05 năm; không được gia nhập VPCC khác với tư cách thành viên hợp danh trong 02 năm.

- Tạm ngừng hoạt động VPCC

Luật Công chứng hiện nay có quy định về tạm đình chỉ hành nghề đối với CCV, song lại chưa quy định về tạm ngừng hoạt động của VPCC, mặc dù trên thực tế có rất nhiều trường hợp hoạt động của VPCC bị gián đoạn trong một thời gian nhất định do nhiều nguyên nhân. Do vậy, dự án Luật bổ sung một điều về tạm ngừng hoạt động VPCC, nội dung quy định về những trường hợp tạm ngừng, thẩm quyền quyết định tạm ngừng và việc lưu trữ hồ sơ công chứng của Văn phòng trong thời gian tạm ngừng.

- Thu hồi giấy phép thành lập, thu hồi đăng ký hoạt động của VPCC

Để nâng cao tính chuyên nghiệp, đúng quy định pháp luật đối với loại hình công ty hợp danh, dự án Luật sẽ quy định chặt chẽ hơn về các trường hợp thu hồi giấy phép thành lập, thu hồi đăng ký hoạt động. Cụ thể là VPCC không có đủ ít nhất 02 CCV hợp danh là bị Sở Tư pháp thu hồi giấy đăng ký hoạt động (không cho thời gian 06 tháng); không bảo đảm các điều kiện duy trì hoạt động khác cũng sẽ bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động và trên cơ sở đó đề nghị UBND cấp tỉnh thu hồi giấy phép thành lập.

IV. Quy trình công chứng, công chứng số

1. Quy trình công chứng

- Không quy định quá cứng về thứ tự các bước của quy trình mà tập trung quy định những công đoạn bắt buộc phải thực hiện trong quy trình công chứng và người có trách nhiệm thực hiện từng bước đó để làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn của từng chủ thể

+ Đối với CCV: Kiểm tra, đánh giá năng lực hành vi, nhân thân, giấy tờ của người yêu cầu công chứng; giải thích hậu quả pháp lý cho người yêu cầu công chứng; tra cứu dữ liệu (đối với một số loại dữ liệu mà chỉ có CCV mới có tài khoản); xác minh thông tin/yêu cầu giám định thông tin, **nhất là về tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch**; chứng kiến các bên ký hợp đồng, giao dịch; ký văn bản công chứng để phát hành hồ sơ công chứng; ký xác nhận gửi hồ sơ đi lưu trữ.

+ Đối với thư ký nghiệp vụ công chứng⁶: Tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng; kiểm tra thành phần hồ sơ; tư vấn hoàn thiện hồ sơ; thụ lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết hồ sơ; chuẩn bị dự thảo văn bản công chứng; sắp xếp và hoàn thiện hồ sơ để gửi đi lưu trữ.

+ Không quy định cứng về việc người yêu cầu công chứng chỉ nộp bản chính khi ký mà nếu CCV yêu cầu thì phải nộp trước để phục vụ xác minh, giám định để giải quyết hồ sơ.

- *Sửa đổi, bổ sung một số vấn đề có liên quan trong quy trình công chứng để vừa phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn, vừa bảo đảm nguyên tắc công chứng nội dung*

+ Địa điểm công chứng: Giữ nguyên tắc chung là công chứng tại trụ sở TCHNCC; chỉ cho công chứng ngoài trụ sở với những trường hợp được liệt kê rõ, tránh tình trạng lạm dụng quy định này.

+ Thời hạn công chứng: Không ấn định thời gian mà cho TCHNCC tự thỏa thuận với người yêu cầu công chứng để phù hợp với bản chất dịch vụ của hoạt động công chứng.

+ Thẩm quyền theo địa hạt: Cơ bản như hiện nay, quy định những hợp đồng, giao dịch mà đối tượng là bất động sản ở nhiều nơi; quy định rõ phạm vi của “ủy quyền liên quan đến bất động sản” là những gì.

+ Những nội dung bắt buộc trong lời chứng của CCV (sẽ không ban hành mẫu lời chứng): Đối tượng phải là có thật; CCV chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, hình thức của hợp đồng, giao dịch mà mình chứng nhận; không được đưa vào lời chứng những nội dung nhằm trốn tránh trách nhiệm.

+ CCV được trao quyền chủ động và chịu trách nhiệm về việc thẩm định (kể cả xác minh, giám định) về chủ thể giao dịch, đối tượng (**nhất là tài sản**) của giao dịch và các giấy tờ, tài liệu liên quan, trong đó quy định chặt chẽ về xác minh, giám định, sử dụng công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng, các cơ sở dữ

⁶ Những việc thư ký nghiệp vụ công chứng được làm thì CCV đều được làm nhưng ngược lại thì không được

liệu quốc gia liên quan trong tác nghiệp của CCV (dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, đăng ký phương tiện vận tải, tài chính, ngân hàng...).

+ Lưu trữ hồ sơ công chứng: Toàn bộ hồ sơ công chứng phải gửi về Trung tâm dữ liệu công chứng quốc gia theo cách thức và thời hạn quy định, đồng thời các TCHNCC có thể tự lưu trữ hồ sơ giấy hoặc dạng scan nhưng khi cấp bản sao thì phải dùng dữ liệu chính thống từ Trung tâm. Các yêu cầu liên quan đến kiểm tra, thanh tra, truy tố... thì dữ liệu tại Trung tâm cũng là nguồn chính thức được cung cấp để phục vụ các nhiệm vụ này.

2. Công chứng số

Công chứng số là cách thức thực hiện toàn bộ quy trình công chứng thông qua nền tảng kỹ thuật số, cụ thể là là việc gửi yêu cầu công chứng, soạn thảo văn bản công chứng, ký, thu - nộp phí, thù lao, lưu trữ văn bản công chứng và cung cấp thông tin liên quan đến hồ sơ công chứng trên môi trường điện tử.

Để có thể thực hiện công chứng số, cùng với việc bảo đảm trình độ chuyên môn cũng như kỹ thuật của CCV thì điều kiện không thể thiếu là phải thiết lập một nền tảng kỹ thuật, bao gồm hạ tầng mạng ổn định; có “kho lưu trữ số” bảo đảm tính ổn định, an toàn, thường xuyên được sao lưu (backup); cơ sở dữ liệu về dân cư, doanh nghiệp, đất đai - nhà ở, công chứng; chữ ký số của cá nhân, tổ chức (người yêu cầu công chứng) và của CCV; internet banking hoặc mobi banking; tính bảo mật của hệ thống.

*** Phương án 1 (Quy định một quy trình cho cả công chứng truyền thống và công chứng số)**

- Quy định có tính mở đối với quy trình công chứng để phù hợp với quá trình chuyển dần từng bước sang công chứng trên môi trường điện tử và tiến tới thực hiện công chứng số

Khi phát triển hoạt động công chứng theo hướng công chứng số, một số nguyên tắc/cách thực hiện mang tính truyền thống, cốt lõi của của công chứng sẽ phải điều chỉnh linh hoạt hơn, ví dụ việc ký trước mặt sẽ phải hiểu theo nghĩa trước mặt gián tiếp qua thiết bị công nghệ chứ không phải trực tiếp tại TCHNCC. Thay vào đó, vấn đề cốt lõi là phải bảo đảm xác minh đúng, bảo đảm tính hợp pháp đối tượng của giao dịch, chủ thể thực hiện giao dịch và bảo mật thông tin liên quan.

- Giao trách nhiệm cụ thể trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc với đầu mối là Trung tâm dữ liệu công chứng quốc gia để cung cấp thông tin cho việc thực hiện công chứng của CCV, đồng thời là đầu mối lưu trữ toàn bộ hồ sơ công chứng đã thực hiện, là điều kiện cho công chứng số và để cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát, điều hành hoạt động công chứng toàn quốc

Trung tâm dữ liệu công chứng quốc gia do Bộ Tư pháp quản lý (tương tự như mô hình Trung Tâm thông tin tín dụng trực thuộc Ngân Hàng Nhà Nước) để quản lý toàn bộ cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc, có kết nối với các cơ sở dữ liệu khác (đất đai - nhà ở, dân cư, doanh nghiệp). Đây là điều kiện tiên quyết cho việc thực hiện công chứng điện tử/chuyển đổi số trong lĩnh vực công chứng/công chứng số. Một số chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm này là:

+ Cấp mã code cho văn bản công chứng đủ điều kiện để xác nhận thời điểm hiệu lực của văn bản công chứng thay vì việc TCHNCC đóng dấu vào văn bản này.

+ Lưu trữ toàn bộ hồ sơ công chứng đã được hoàn thành dưới dạng bản điện tử, và phục vụ truy cứu, cung cấp thông tin cho giải quyết tranh chấp sau này. Văn bản công chứng đủ điều kiện mới được cấp mã code thì sẽ không có tình trạng công chứng “khống”, tự động sửa chữa văn bản và hồ sơ công chứng mà người yêu cầu công chứng không biết...

+ Là cơ sở để CCV truy cứu lịch sử giao dịch đối với tài sản (chỉ khi có yêu cầu công chứng liên quan đến tài sản đó chứ không phải tra cứu tùy tiện) và toàn bộ quá trình tra cứu thông tin sẽ được ghi lại để kiểm soát, đối chiếu khi cần. Thông tin trên cơ sở này được bảo đảm tính pháp lý chứ không chỉ có giá trị tham khảo như dạng UCHI hiện nay. Ngược lại, CCV cũng phải chịu trách nhiệm nếu sử dụng quyền tra cứu sai mục đích, không tra cứu mà công chứng hợp đồng, giao dịch....

+ Là cơ sở để văn bản công chứng được công nhận và sử dụng ở các nước khác theo đúng nguyên tắc của Liên minh công chứng thế giới, giảm bớt thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự: Văn bản công chứng được thực hiện đúng quy trình ở VN thì được cấp mã code, khi sử dụng ở nước khác thì nước đó có thể đối chiếu ngay trên cơ sở dữ liệu của họ và cho sử dụng ngay.

+ Phát hiện những bất thường trong hoạt động hành nghề của CCV thông qua các thông tin nhận được, VD số lượng hồ sơ công chứng tăng đột biến trong một khoảng thời gian nhất định, công chứng nhiều văn bản tại cùng một thời điểm, cùng một thời điểm lại công chứng văn bản ở các địa điểm khác nhau....

+ Kết nối, trao đổi liên thông với các cơ sở dữ liệu khác theo nguyên tắc có đi có lại nhằm làm phong phú thêm hệ sinh thái dữ liệu của nhau (trao đổi với cơ quan đăng ký đất đai, bảo hiểm, thuế, dân cư...).

- *Giao Chính phủ quy định lộ trình xây dựng và triển khai thực hiện công chứng số*

+ Quy định các bước cần thực hiện để triển khai công chứng số, giao trách nhiệm và thời hạn hoàn thành.

+ Quy định thí điểm công chứng trên môi trường điện tử đối với một số loại hợp đồng, giao dịch nhất định (ủy quyền, văn bản từ chối nhận di sản...) thực hiện song song với công chứng trên văn bản giấy để từng bước đánh giá những vấn đề có thể phát sinh và giải pháp cần thực hiện.

Việc thí điểm có thể từng bước, từ việc gửi hồ sơ qua mạng, CCV/thư ký nghiệp vụ kiểm tra hồ sơ, tra cứu cơ sở dữ liệu có liên quan, soạn thảo hợp đồng, giao dịch và hẹn người yêu cầu công chứng đến ký. Khi cả người yêu cầu công chứng và CCV đều có chữ ký số thì sẽ thực hiện ký số thay vì người yêu cầu công chứng phải đến tận nơi...

*** *Phương án 2 (Quy định thành hai quy trình công chứng riêng biệt)***

- Hai quy trình này có nhiều điểm khác biệt, quy định chung rất dễ lộn xộn.

- Việc áp dụng công chứng điện tử và quy trình công chứng điện tử cần phải có việc thí điểm, tổng kết kinh nghiệm. Do vậy trước mắt Luật Công chứng chỉ đưa vào quy định việc triển khai thí điểm công chứng điện tử và quy trình công chứng điện tử, công chứng trực tuyến đối với 1 số giao dịch nhất định, để tránh những sự cố đáng tiếc có thể xảy ra.

Trước mắt có thể triển khai việc chứng thực bản sao điện tử, chữ ký điện tử và lưu trữ điện tử. Đối với những giao dịch điện tử là những phương thức thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh bằng phương tiện điện tử từ việc mua bán sản phẩm, thực hiện dịch vụ... thông qua Internet và các phương tiện điện tử khác, được thực hiện trên nền tảng điện tử, cần phải có thí điểm và tổng kết đối với việc công chứng các hợp đồng, giao dịch điện tử.

VI. Quản lý nhà nước về công chứng, quản lý của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV

1. Quản lý nhà nước về công chứng

- *Xác định đối tượng trọng tâm của quản lý nhà nước về công chứng là CCV, kết hợp với việc tăng cường các công cụ quản lý phù hợp, hiệu quả đối với các TCHNCC*

+ Bỏ quy định tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập VPCC để thay bằng các công cụ quản lý khác hiệu quả hơn

Việc ban hành tiêu chí xét duyệt chỉ có ý nghĩa khi việc thành lập VPCC bị giới hạn bởi số lượng. Tuy nhiên, Quy hoạch tổng thể phát triển TCHNCC đã bị bãi bỏ nên công cụ quản lý này không cần thiết. Thay vào đó, Luật sẽ tập trung vào đội ngũ CCV thông qua việc siết chặt tiêu chuẩn, điều kiện trở thành CCV, kiểm soát điều kiện hành nghề và toàn bộ quá trình hành nghề của CCV. Đồng thời, việc quy định chặt chẽ hơn về thành lập và đăng ký hoạt động, thay đổi

thành viên hợp danh của VPCC, các trường hợp thu hồi giấy phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của VPCC... cũng là công cụ hữu hiệu để quản lý hoạt động CC. Ngoài ra, việc bãi bỏ tiêu chí góp phần giảm bớt công việc, tiết kiệm thời gian cho Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh.

- *Quy định mang tính bao quát, toàn diện nhưng lại rõ nét hơn về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về công chứng*

+ Nhiệm vụ quản lý đối với Hiệp hội CCV Việt Nam và các Hội CCV địa phương quy định bao quát hơn, không chỉ hẹp ở một số nhiệm vụ cụ thể như hiện nay.

+ Nâng cao điều kiện với viên chức lãnh sự, viên chức ngoại giao thực hiện công chứng. Đồng thời, quy định rõ những người này thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình công chứng như CCV, không chỉ chứng thực như hiện nay.

- **Có nên quy định vai trò của Bộ Tư pháp trong việc thành lập/cho phép thành lập TCHNCC? Bây giờ lộn xộn, tùy tiện quá.**

2. Quản lý của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của CCV

- *Quy định phù hợp hơn về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức XH-NN để phù hợp với vai trò quan trọng nhất của tổ chức XH-NN của CCV là vai trò tự quản nghề nghiệp và đạo đức hành nghề của CCV chứ không phải là vai trò quản lý*

+ Tổ chức XH-NN tập trung làm tốt nhiệm vụ đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các CCV; ban hành quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật về công chứng, quy tắc đạo đức hành nghề công chứng.

+ Việc bỏ nhiệm, miễn nhiệm CCV; thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng, chấm dứt hoạt động của TCHNCC là nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước. Tổ chức XH-NN chỉ tham gia ý kiến nếu việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước làm ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của CCV hoặc có vi phạm pháp luật (không quy định chung chung là “tham gia” như hiện nay tránh hiểu nhầm).

- *Tăng cường trách nhiệm của tổ chức XH-NN nhằm thực hiện đúng vai trò của tổ chức nghề nghiệp mà CCV bắt buộc phải tham gia*

+ Bổ sung trách nhiệm “chủ động phát hiện và kiên quyết đấu tranh với những tiêu cực, sai phạm trong hoạt động hành nghề của CCV” để thể hiện đúng trách nhiệm tự quản nghề nghiệp.

+ Quy định rõ việc thành lập Quỹ công chứng nhằm: (i) bồi thường thiệt hại để hỗ trợ việc bồi thường thiệt hại do lỗi của hội viên là CCV khi hành nghề công chứng trong trường hợp bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của hội viên

không đủ bồi thường; (ii) trợ cấp cho các CCV đang hành nghề trong trường hợp mất khả năng lao động; (iii) các hoạt động khác phục vụ việc phát triển nghề công chúng.

+ Bổ sung quy định TCXHNN có nghĩa vụ cử đại diện bảo vệ quyền lợi của CCV trong trường hợp CCV bị xử lý kỷ luật, truy tố hoặc các trường hợp khẩn cấp khác.

- Làm rõ mối quan hệ giữa quyền hành nghề khi CCV bị tổ chức XH-NN xử lý kỷ luật

+ Khi bị tạm đình chỉ tư cách hội viên

+ Khi bị khai trừ.